

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **12/2019/DS-ST**

Ngày: 06/6/2019

V/v: Tranh chấp hợp đồng
dân sự “Mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Hoa

2. Bà Đoàn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang, thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 06 tháng 6 năm 2019, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2019/QĐST – DS ngày 16 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1972 (Chủ đại lý Nam T) (Có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 04, ấp PH, xã ĐT, huyện AB, Kiên Giang.

* *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1957 (Có mặt).

Nơi cư trú: Tổ 02, ấp 9 X, xã DH, huyện AM, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo nội dung khởi kiện, bản tự khai ngày 09/12/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày và yêu cầu như sau:*

Từ ngày 03/5/2015 đến ngày 30/12/2015, bà Nguyễn Thị Đ có đến đại lý vật tư nông nghiệp Nam T (do ông T làm chủ đại lý) mua phân bón thuốc bảo vệ thực vật về để sử dụng. Tính đến ngày 30/12/2015, bà Đ còn nợ số tiền gốc là 26.491.000 đồng, thỏa T lãi suất là 2%/tháng. Thỏa T thời gian trả là khi hết mùa vụ.

Sau khi mua và tính toán tiền gốc thì đến nay bà Đ không trả tiền lãi cũng không trả tiền gốc cho ông T mặc dù có đến nhà bà Đ nhiều lần để nhắc nhở nhưng bà Đ cứ nhiều lần hẹn đến nay vẫn không trả được khoản nào nên ông T khởi kiện và tại phiên hòa giải ông T yêu cầu bà Đ trả tổng cộng số tiền là 40.399.000 đồng,

trong đó: số tiền gốc còn nợ là 26.491.000 đồng và lãi suất là 1,55/tháng (từ ngày 30/12/2015 cho đến ngày 09/12/2018) là 13.908.000 đồng.

** Theo bản tự khai ngày 02/4/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày và yêu cầu như sau:*

Bà Đ xác nhận, vào năm 2015 bà có mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật về để sử dụng và còn nợ ông T số tiền gốc là 26.491.000 đồng và tiền lãi từ ngày 30/12/2015 là đúng. Bà đồng ý trả nợ gốc và mức lãi suất như yêu cầu của ông T nhưng do gia đình bà hiện nay rất khó khăn, làm vụ tôm và vụ lúa bị thất mùa nên không có khả năng để trả phần tiền lãi cho ông T. Bà xin hẹn trả cho ông T số tiền gốc 26.491.000 đồng trong thời gian là 02 tháng và bà Đ xin không trả phần tiền lãi cho ông T.

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn ông T yêu cầu: Do hoàn cảnh gia đình bà Đ khó khăn nên ông T tự nguyện giảm 01 phần tiền lãi cho bà Đ và yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ trả cho ông 01 lần số tiền là 36.000.000 đồng (Trong đó: số tiền gốc còn nợ là 26.491.000 đồng và tiền lãi là 9.509.000 đồng) sau khi án có hiệu lực. Ngoài ra, ông T không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn bà Đ yêu cầu: Bà xin hẹn trả cho ông T số tiền gốc 26.491.000 đồng trong thời gian là 02 tháng, xin không trả phần tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T (chủ đại lý Nam T) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Đ (có nơi cư trú tại tổ 02, ấp 9 X, xã ĐH, huyện AM, tỉnh Kiên Giang) trả tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật mà bà còn nợ. Quan hệ pháp luật xảy ra tranh chấp được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung trong vụ án:* Từ ngày 03/5/2015 đến ngày 30/12/2015, bà Nguyễn Thị Đ có đến đại lý vật tư nông nghiệp Nam T (do ông T làm chủ đại lý) mua phân bón thuốc bảo vệ thực vật về để sử dụng. Tính đến ngày 30/12/2015, bà Đ còn nợ số tiền gốc còn nợ là 26.491.000 đồng và tiền lãi nhưng đến nay bà Đ không trả được khoản nào cho ông T. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu bà Đ phải trả nợ cho ông.

2.1 Xét yêu cầu của ông T về việc yêu cầu bà Đ trả 01 lần cho ông tổng cộng số tiền là 36.000.000 đồng (Trong đó: số tiền gốc còn nợ là 26.491.000 đồng và tiền lãi là 9.509.000 đồng) sau khi án có hiệu lực là phù hợp với quy định nên có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, HĐXX xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, bà Đ xác nhận đến nay bà còn nợ ông T số tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật số tiền gốc còn nợ là 26.491.000 đồng và tiền lãi đến ngày 30/12/2018. Đây thuộc trường hợp đương sự thừa nhận hoặc không phản đối theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2.2 Xét yêu cầu của bà Đ về việc bà cho rằng hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xin trả số tiền gốc là 26.491.000 đồng trong thời gian 02 tháng cho ông T và xin không trả phần tiền lãi như ông T yêu cầu.

HĐXX xét thấy, việc bà Đ mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật của đại lý Nam T (do ông T làm chủ) từ năm 2015 đến nay mà bà chưa trả hết nợ là bà Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 440 BLDS năm 2015. Ngoài ra, phương thức trả nợ và xin không trả lãi của bà Đ là kéo dài thời gian và thiệt thòi quyền lợi của ông T, tại phiên tòa ông T không đồng ý với phương thức trả nợ và cũng không đồng ý cho phần lãi như yêu cầu của bà Đ và Tòa án cũng không ấn định trong bản án thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành án nên HĐXX không có cơ sở xem xét.

Do đó, cần buộc bà Đ có nghĩa vụ trả cho ông T (chủ đại lý Nam T) tổng cộng số tiền gốc và lãi là 36.000.000 đồng, trong đó: số tiền gốc còn nợ là 26.491.000 đồng và tiền lãi là 9.509.000 đồng đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:*

- Bà Nguyễn Thị Đ được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Do yêu cầu của ông Nguyễn Văn T (chủ đại lý Nam T) được chấp nhận nên hoàn trả lại cho ông số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là 1.125.150 (*Một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn một trăm năm mươi đồng*) theo lai thu số 0006136 ngày 26/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

[4] *Quyền kháng cáo:* Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 357, Điều 430, Điều 440, khoản 1 Điều 468 Bộ luật

dân sự năm 2015;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T (chủ đại lý Nam T) số tiền tổng cộng là 36.000.000 đồng (*Ba mươi sáu triệu đồng*), trong đó: số tiền gốc còn nợ là 26.491.000 đồng và tiền lãi là 9.509.000 đồng.

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Đ không trả đủ số tiền trên thì hàng tháng bà Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn T (chủ đại lý Nam T) số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là 1.125.150 (*Một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn một trăm năm mươi đồng*) theo lai thu số 0006136 ngày 26/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Bà Nguyễn Thị Đ được miễn tiền án phí theo quy định.

3. *Quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 06/6/2019).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- TAND tỉnh KG;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Thị Cẩm Linh

